

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04 /2018/HSST
Ngày: 27- 12- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh

Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Mơi
2. Ông Lê Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 27- 12 -2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Tư T (tên gọi khác: T B L)- Sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 49B Ngõ P, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; tiền án: ngày 25/3/2015 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 33 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” (ngày 09/02/2017chấp hành xong hình phạt); tiền sự: không. Nhân thân: ngày 08/6/2014 Công an phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tạm giữ ngày 08/9/2018, tạm giam ngày 11/9/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tấn Đ - Sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 01 đường C, phố Đ, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: số nhà 221 phố Đ, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Đ1 (đã mất) và bà Lê Thị N; tiền án: ngày 09/5/2013 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” Trộm cắp tài sản” (ngày 25/10/2015 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa

thi hành tiền phạt và tiền án phí); tiền sự: không. Nhân thân: ngày 23/6/2009 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tạm giữ ngày 08/9/2018, tạm giam ngày 11/9/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị P- Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 7, xã M , huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Ngọc K - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 204 phố D, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7h30' ngày 20/4/2018, Lê Tư T cùng Lê Tấn Đ đi bộ từ nhà nghỉ Đức A ở ngõ L, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến chợ Nam T, phường V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, trên đường đi T và Đ phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ- đen- trắng, Biển kiểm soát 35B3-063.72 của chị Nguyễn Thị P ở Thôn 7, xã M , huyện N, tỉnh Thanh Hóa dựng trước nhà 23 ngõ L, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, chìa khóa vẫn cắm trên ổ xe. T bảo Đ vào lấy xe, còn T đứng ngoài canh giới. Đ lại gần rồi lên xe nổ máy đi về phía T, sau đó T điều khiển xe máy chở Đ về nhà trọ của Đ trên đường Thọ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, rồi T một mình mang chiếc xe và giấy tờ trong cốp xe đi cầm cố cho anh Hoàng Ngọc K ở số 204 phố D, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa lấy số tiền 21.000.000đ. Đến tối cùng ngày, T thông báo cho Đ là cầm cố xe được 15.000.000đ. Khoảng 4,5 ngày sau, T gặp Đ tại gần nhà nghỉ Đức A và đưa cho Đ số tiền 7.500.000đ, số tiền này Đ đã tiêu xài hết. Ngày 13/8/2018, anh K tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc xe mô tô trên có giá trị 29.000.000đ.

Quá trình điều tra, Lê Tư T không thừa nhận hành vi phạm tội, khai báo quanh co. Lê Tấn Đạt k nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ngoài ra còn khai nhận sau khi thức hiện vụ trộm trên khoảng 10 ngày, T và Đ còn cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp chiếc xe Exciter tại một nhà nghỉ ở xã Quảng M, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã có văn bản trao đổi, phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S để giải quyết theo thẩm quyền.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36B3- 063.72 và các giấy tờ liên quan cho chị Nguyễn Thị P.

Về dân sự: Chị P đã nhận lại chiếc xe mô tô, không yêu cầu gì về phần dân sự. Anh Hoàng Ngọc K yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 21.000.000đ.

Tại cáo trạng số 321/CTr-VKS-HS ngày 26/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Tư T, Lê Tấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với 02 bị cáo), khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với Đ), đề nghị xử phạt bị cáo Đ, T mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Ngọc K số tiền 21.000.000đ.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Hoàng Ngọc K) đề nghị Tòa án giải quyết để anh lấy lại được tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lê Tấn Đ và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Bị cáo Lê Tư T tại giai đoạn điều tra, truy tố không đồng ý với Kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa với lý do bị cáo không phạm tội. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến thắc mắc gì. Như vậy, hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự].

[2. Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Tư T, Lê Tấn Đ khai nhận: Khoảng 7h30' ngày 20/4/2018 tại trước số nhà 23 ngõ L, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, Lê Tấn Đ và Lê Tư T lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ- đen- trắng, Biển kiểm soát 35B3-063.72, trị giá 29.000.000đ. Đ vào lấy xe, còn T đứng ngoài cảnh giới. Sau khi lấy được xe, T điều khiển xe máy chở Đ về nhà trọ của Đ trên đường Thọ H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, rồi T một mình mang chiếc xe và giấy tờ trong cốp xe đi cầm cố. Đến tối cùng ngày, T thông báo cho Đ là cầm cố xe được 15.000.000đ. Khoảng 4,5 ngày sau, T gặp Đ tại gần nhà nghỉ Đức A và đưa cho Đ số tiền

7.500.000đ, số tiền này Đ đã tiêu xài hết. Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Tư T, Lê Tấn Đ tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Tấn Đ và Lê Tư T đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật].

[3. Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên các bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cần phải xử lý nghiêm. Trong vụ án này, các bị cáo tham gia phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, trong đó Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản, T là người đứng ngoài cảnh giới và sau khi lấy được là người trực tiếp mang tài sản đi cấm. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đang có tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục].

[4. Tuy nhiên cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự); ngoài ra, bị cáo Đ đã đầu thú hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt; bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ là phù hợp].

[5. Về dân sự: - Bị hại: chị Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

- Anh Hoàng Ngọc K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 21.000.000đ, cần buộc T phải bồi thường 13.500.000đ, Đ phải bồi thường 7.500.000đ.

[6. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (đối với hai bị cáo); khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Đ).

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Tư T (tên gọi khác: T B L), Lê Tấn Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Tư T: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2018.

- Bị cáo Lê Tấn Đ: 21(Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận việc bị hại - chị Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

- Buộc bị cáo Lê Tư T, Lê Tấn Đ bồi thường cho anh Hoàng Ngọc K 21.000.000đ. Trong đó, T bồi thường 13.500.000đ, Đ bồi thường 7.500.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được trả, nếu người phải thi hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo T phải nộp 675.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Đ phải nộp 375.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Hoàng Ngọc K) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- VKSNDTP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thị Minh Hạnh

